

Clothes

服装

fú zhuāng

1. Shoes

鞋子

xié zi

2. Socks

袜子

wà zi

3. Pants

裤子

kù zi

4. Shorts

短裤

duǎn kù

5. T-shirt

T 恤

tī xù

6. Boots

靴子

xuē zi

7. Tank top

背心

bèi xīn

8. Jeans

牛仔裤

niú zǎi kù

9. Short-sleeved shirt

短袖衫

duǎn xiù shān

10. Long-sleeved shirt

长袖衫

cháng xiù shān

11. Sneakers

运动鞋

yùn dòng xié

12. Suit

套装

tào zhuāng

13. Tie

领带

lǐng dài

14. Underwear

内衣

nèi yī

15. Bra

文胸

wén xiōng

16. Hat

帽子

mào zi

17. Gloves

手套

shǒu tà

18. Skirt

裙子

qún zǐ

19. Dress

连衣裙

lián yī qún

20. Jacket

夹克

jiá kè

Copyright© Langhub.com – Learn Chinese. No part of this text can be reused for profit.